

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 151/BC - TĐTĐ - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 4 - NĂM 2023

Yên Bái, ngày tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.296.266.106	278.255.981.949
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	104.069.389.061	90.424.695.231
111	1. Tiền		8.169.389.061	75.424.695.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.900.000.000	15.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.000.000.000	62.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	62.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		219.057.214.490	121.759.844.969
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		143.817.491.110	100.398.838.347
132	2. Trả trước cho người bán		52.760.213.635	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.730.601.003	581.848.620
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.663.591.258)	(1.633.341.998)
140	IV. Hàng tồn kho	6	5.527.795.086	4.071.441.749
141	1. Hàng tồn kho		5.527.795.086	4.071.441.749
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.641.867.469	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		90.040.278	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	9.551.827.191	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		755.020.442.745	803.390.986.471
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		61.634.375.000	84.046.875.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		61.634.375.000	84.046.875.000
220	II. Tài sản cố định		180.384.389.038	207.208.090.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	164.519.797.269	190.598.138.315
222	- Nguyên giá		1.497.541.742.824	1.485.758.346.457
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.333.021.945.555)	(1.295.160.208.142)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	15.864.591.769	16.609.951.939
228	- Nguyên giá		22.411.162.640	22.330.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.546.570.871)	(5.720.370.461)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.152.204.670	5.797.971.083
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		9.152.204.670	5.797.971.083
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		502.756.831.735	503.446.066.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.652.890.000	84.652.890.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(689.235.029)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.092.642.302	2.891.983.370
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.092.642.302	2.891.983.370
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.103.316.708.851	1.081.646.968.420

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		84.073.631.999	45.339.353.469
310	I. Nợ ngắn hạn		84.073.631.999	45.339.353.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.529.484.086	4.712.624.523
312	2. Người mua trả tiền trước		3.596.854.522	432.475.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	441.827.700	26.724.868.859
314	4. Phải trả người lao động		10.416.031.645	8.059.064.109
315	5. Chi phí phải trả	12	62.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	66.226.966.258	4.974.745.475
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		800.467.788	435.575.444
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.019.243.076.852	1.036.307.614.951
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.019.243.076.852	1.036.307.614.951
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.185.461.901	401.307.614.951
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		36.141.143.896	187.108.664.381
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		46.044.318.005	214.198.950.570
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.103.316.708.851	1.081.646.968.420

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 23 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

04
TY
IÂN
ĐI
J B
I-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

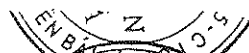
Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2023	Lũy kế đến 31/12/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	76.951.008.913	142.474.218.169	266.491.249.632	498.248.916.289
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.951.008.913	142.474.218.169	266.491.249.632	498.248.916.289
11	4. Giá vốn hàng bán	17	37.248.125.670	39.617.717.611	123.052.109.194	131.355.930.922
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.702.883.243	102.856.500.558	143.439.140.438	366.892.985.367
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	24.548.728.749	5.191.508.082	57.866.623.400	47.142.341.383
22	7. Chi phí tài chính	19	689.235.029		689.416.726	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-		-	-
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.634.879.925	15.886.652.043	30.568.083.764	34.689.829.216
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.927.497.038	92.161.356.597	170.048.263.348	379.345.497.534
31	11. Thu nhập khác	20	749.152.105	694.524.443	1.790.536.873	1.487.590.304
32	12. Chi phí khác	21	435.767.437	505.466.454	1.196.450.337	1.057.345.219
40	13. Lợi nhuận khác		313.384.668	189.057.989	594.086.536	430.245.085
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.240.881.706	92.350.414.586	170.642.349.884	379.775.742.619



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2023	Lũy kế đến 31/12/2022
			VND	VND	VND	VND
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.196.563.701	18.762.789.443	24.956.887.983	70.326.792.049
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>46.044.318.005</u>	<u>73.587.625.143</u>	<u>145.685.461.901</u>	<u>309.448.950.570</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kê Toán trưởng

Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 25 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	30/09/2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		170.642.349.884	379.775.742.619
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		39.771.640.405	39.303.991.523
03	- Các khoản dự phòng		719.484.289	(1.733.055.700)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(58.202.580.000)	(47.142.341.383)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.930.894.578	370.204.337.059
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(53.583.037.542)	(45.015.853.581)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.456.353.337)	137.487.013
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.291.657.062)	8.136.508.362
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.799.341.068	20.335.292
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(42.691.567.224)	(60.164.002.606)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.607.131.000)	(5.232.099.277)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		47.100.489.480	268.086.712.262
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(69.754.116.381)	(4.020.686.065)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		336.088.442	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	(180.840.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		84.412.500.000	188.154.913.699
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(48.882.890.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.791.782.289	47.117.135.353
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		61.786.254.350	1.528.472.987
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(95.242.050.000)	(253.979.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(95.242.050.000)	(253.979.750.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.644.693.830	15.635.435.249

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

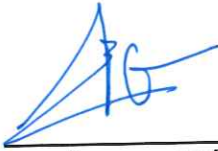
Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	<u>31/12/2023</u> VND	<u>30/09/2022</u> VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		90.424.695.231	74.789.259.982
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>104.069.389.061</u>	<u>90.424.695.231</u>



Nguyễn Trung Hiếu
 Người lập



Lê Hồng Minh
 Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
 Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 23 tháng 01 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a Chứng khoán kinh doanh****b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay**d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính****2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính****2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

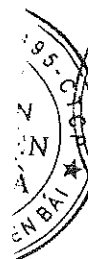
Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	22.903.489	241.100.536
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.146.485.572	75.183.594.695
Các khoản tương đương tiền	95.900.000.000	15.000.000.000
	104.069.389.061	90.424.695.231

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a** Chứng khoán kinh doanh

b		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1	Ngắn hạn				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
-	Trái phiếu	-	-	-	-
-	Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
		10.000.000.000	10.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 5,2%/năm.

b2	Dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
-	Đầu tư vào công ty con(**)	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***)	84.652.890.000	83.963.654.971	84.652.890.000	84.652.890.000
-	Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác(****)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
		503.446.066.764	502.756.831.735	503.446.066.764	503.446.066.764

(**) Tại ngày 31/12/2023

- Công ty đang nắm giữ 25.889.270 cổ phần tương đương 50,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

(***) Tại ngày 31/12/2023

- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2023 Công ty đã thực hiện góp vốn với giá trị là 84.652.890.000 đồng.

****) Tại ngày 31/12/2023

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

5 PHẢI THU KHÁC

a Ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.200.000.000	-	224.025.254	-
Phải thu về lãi tiền gửi	115.927.671	-	167.531.020	-
Phải thu người lao động	173.227.889	-	97.155.477	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	93.136.869	-
Phải thu khác	241.445.443	-	581.848.620	-
	1.730.601.003	-	581.848.620	-

b Dài hạn**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.418.264.405	-	3.628.206.745	-
Công cụ, dụng cụ	396.007.144	-	228.926.046	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.713.523.537	-	214.308.958	-
	5.527.795.086	-	4.071.441.749	-

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	491.545.100	-
Thuế Giá trị gia tăng	3.644.238.909	-
Thuế tài nguyên	5.357.652.229	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	58.390.953	-
	9.551.827.191	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	651.554.157.472	807.119.689.374	21.684.040.335	5.283.004.731	117.454.545	1.485.758.346.457
Mua sắm	-	2.667.173.726	-	-	-	2.667.173.726
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.949.247.424	1.103.050.040	-	2.175.604.415	-	10.227.901.879
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(1.072.379.238)	-	-	(1.111.679.238)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	658.503.404.896	810.850.613.140	20.611.661.097	7.458.609.146	117.454.545	1.497.541.742.824
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	556.718.310.265	717.563.521.208	16.060.215.036	4.716.725.535	101.436.098	1.295.160.208.142
Trích khấu hao	20.328.512.650	17.144.672.092	1.032.259.372	439.995.881	-	38.945.439.995
Tăng khác	27.976.656	-	-	-	-	27.976.656
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(1.072.379.238)	-	-	(1.111.679.238)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	577.074.799.571	734.668.893.300	16.020.095.170	5.156.721.416	101.436.098	1.333.021.945.555
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	94.835.847.207	89.556.168.166	5.623.825.299	566.279.196	16.018.447	190.598.138.315
Tại ngày 31/12/2023	81.428.605.325	76.181.719.840	4.591.565.927	2.301.887.730	16.018.447	164.519.797.269



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>TSCĐ vô hình khác</u> VND	<u>VND</u>
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
Mua sắm	-	80.840.240	80.840.240
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	5.160.647.758	559.722.703	5.720.370.461
Trích khấu hao	411.153.216	415.047.194	826.200.410
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	5.571.800.974	974.769.897	6.546.570.871
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	15.397.674.642	1.212.277.297	16.609.951.939
Tại ngày 31/12/2023	14.986.521.426	878.070.343	15.864.591.769

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	<u>31/12/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	6.176.260.465	3.407.763.107
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	2.507.802.791	241.972.148
Dự án nâng cấp thiết bị thông gió - NMTĐ Thác Bà	-	57.775.643
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn - NMTĐTB	127.777.778	127.777.778
Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà	-	1.962.682.407
Dự án nâng cấp TB điện (HT ắc quy 220VDC)	26.400.000	-
Nâng cấp Hệ thống thiết bị (HT rơ le bảo vệ đường dây 110 kV)	99.200.000	-
Nâng cấp HT thiết bị (HT máy nén khí cấp áp N1; N2)	51.200.000	-
Nâng cấp Hệ thống thiết bị (HT máy nén khí hạ áp N3,N4)	28.800.000	-
Nâng cấp HT thiết bị (HT thiết bị theo máy phát)	134.763.636	-
Dự án nâng cấp đường mặt đập chính nhà máy Thủy điện Thác Bà	-	-
	9.152.204.670	5.797.971.083

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2023</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã thực nộp</u> VND	<u>31/12/2023</u> VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.441.176.355	23.101.358.189	30.186.773.453	(3.644.238.909)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.176.506.941	24.956.887.983	42.691.567.224	441.827.700
Tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.862.840.000	4.862.840.000	-
Thuế Tài nguyên nhân	2.935.909.940	28.828.097.154	37.121.659.323	(5.357.652.229)
Thuế Thu nhập cá nhân	2.171.275.623	506.764.573	3.169.585.296	(491.545.100)
Các loại thuế khác	-	563.384.768	621.775.721	(58.390.953)
	26.724.868.859	82.819.332.667	118.654.201.017	441.827.700

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		-
a Ngắn hạn	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	62.000.000	-
	<u>62.000.000</u>	<u>-</u>
b Dài hạn		
13 . PHẢI TRẢ KHÁC	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a Ngắn hạn	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	63.692.091.749	184.141.749
Phí dịch vụ Môi trường rừng	2.225.064.276	3.462.440.544
Phải trả, phải nộp khác	309.810.233	1.328.163.182
	<u>66.226.966.258</u>	<u>4.974.745.475</u>
b Dài hạn		
c Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		

200
CỘNG
CỔ P
ỦY
HÁ
TỈNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

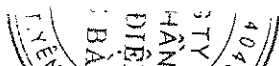
Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	145.685.461.901	145.685.461.901
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	302.057.614.951	-	(306.057.614.951)	(4.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(158.750.000.000)	(158.750.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	82.185.461.901	1.019.243.076.852



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	141
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.018.314.391	244.897.394.884
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.932.694.522	21.593.854.748
	76.951.008.913	266.491.249.632
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	27.847.134.477	110.624.604.954
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.400.991.193	12.427.504.240
	37.248.125.670	123.052.109.194
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.137.312.749	10.571.995.710
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.411.416.000	47.294.627.690
	24.548.728.749	57.866.623.400
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	-
Lỗ bán ngoại tệ	-	181.697
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	689.235.029	689.235.029
	689.235.029	689.416.726
	-	-
20 . THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	236.078.038	336.088.442
- Các khoản khác	513.074.067	1.454.448.431
	749.152.105	1.790.536.873
	-	-
21 . CHI PHÍ KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2023	31/12/2023
	VND	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	435.767.437	1.196.450.337
	435.767.437	1.196.450.337



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4 năm 2023	Lũy kế đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.965.856.577	8.391.463.152
Chi phí nhân công	11.909.635.206	34.064.317.126
Chi phí khấu hao	9.968.604.240	39.771.640.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.810.557.356	7.648.775.742
Chi phí khác	17.694.502.730	65.243.211.112
	<u>46.349.156.109</u>	<u>155.119.407.537</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

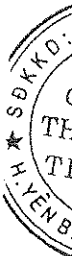
	Quý 4 năm 2023	Lũy kế đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	307.255.225	957.011.565
Chi phí nhân công	5.172.432.832	15.017.278.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.189.451	2.746.184.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	998.989.914	2.715.271.939
Chi phí khác bằng tiền	4.469.012.503	9.132.338.112
	<u>11.634.879.925</u>	<u>30.568.083.764</u>

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2023	Lũy kế đến 31/12/2023
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.196.563.701	24.956.887.983
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.196.563.701</u>	<u>24.956.887.983</u>

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 92% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý 4/2023</u>	<u>Quý 4/2022</u>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	63.018.314.391	137.158.347.929
	Cổ tức công bố		38.365.168.000	57.547.752.000
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	-	57.547.752.000
	Cổ tức công bố		19.050.000.000	28.575.000.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	-	28.575.000.000
				-
	Thu hồi tiền cho vay		5.603.125.000	5.603.125.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Lãi tiền cho vay	Công ty con	1.577.471.576	1.972.914.041
	Doanh thu khác		195.000.000	195.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ		12.799.419.572	411.007.806
	Cổ tức được chia		20.711.416.000	-
			-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	54.545.455	50.000.000
	Doanh thu khác		60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty trong cùng tập đoàn	166.666.667	217.592.593
			-	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:				
		<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
			VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			139.957.894.282	95.834.596.548
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		Công ty mẹ của cổ đông lớn	139.957.894.282	95.834.596.548
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương		Công ty trong cùng tập đoàn	-	235.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			64.474.467	81.667.615
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum		Công ty con	64.474.467	81.667.615
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E		Công ty mẹ	38.365.168.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần		Cổ đông lớn	19.050.000.000	-
Người mua trả tiền trước				
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2		Công ty liên kết	3.596.854.522	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023

	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay		84.046.875.000	106.459.375.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	84.046.875.000	106.459.375.000
<i>Trong đó:</i>		-	-
- Cho vay dài hạn đến hạn trả		22.412.500.000	22.412.500.000
- Cho vay dài hạn		61.634.375.000	84.046.875.000

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 4/2023 với Quý 4/2022

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2023 đạt 46.044.318.005 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2022 đạt 73.587.625.143 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4/2023 so với Quý 4/2022 giảm 27.543.307.138 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 4/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 46.111.360.927 đồng là do Doanh thu hoạt động điện giảm 74.140.033.538 đồng so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân là do mực nước hồ đầu kỳ Quý 4/2023 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 2,6 m (dẫn đến hiệu suất phát điện thấp hơn, dung tích nước thấp hơn 0,6 tỷ m³ so với cùng kỳ Quý 4 năm 2022) và lưu lượng nước về hồ bình quân Quý 4/2023 không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm 2022 dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 4/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 là 34,37 triệu kWh (giảm 36%). Đồng thời, giá bán điện bình quân Quý 4/2023 là 1020 đ/kWh giảm 406 đ/kWh so với cùng kỳ năm 2022 do giá bán điện theo hợp đồng (Pc) giảm, sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng và sản lượng điện giao nhận giảm. Doanh thu hoạt động dịch vụ tăng 8.616.824.282 đồng (tăng 162%) so với cùng kỳ năm 2022 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 4/2023 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 19.357.220.667 đồng (tăng 373%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do trong Quý 4/2023 Công ty phát sinh tăng doanh thu từ cổ tức được chia từ công ty con nộp về (8% VDL tương ứng 20,71 tỷ đồng) so với cùng kỳ Quý 4/2022; doanh thu từ cổ tức được chia từ các đơn vị nộp về trong Quý 4/2023 (1,7 tỷ đồng) tăng 0,7 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 4/2022 (1 tỷ đồng). Doanh thu khác Quý 4/2023 tăng 54.627.662 đồng (tăng 8%) so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 4/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 6.001.828.047 đồng (giảm 11%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 4/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 (do sản lượng Quý 4/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022) và giảm chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 4/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 12.566.225.742 đồng (giảm 67%) so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 4/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 4/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 4/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 4 năm 2023



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 23 tháng 01 năm 2024

Y. P. 011